

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ và ông Lê Tuấn Kiệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **B T B D**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp #, xã V thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông **H T G**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp #, xã V thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông G sống chung vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu ngày 21/01/2013; vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay, **cuộc sống vợ chồng không hạnh, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay** tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đã nhiều lần bà cho ông G cơ hội sửa đổi để cùng chăm lo cho các con, cùng lo cho gia đình nhưng ông G vẫn không thay đổi. Nay bà xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được và bà không còn tình cảm với ông G nữa nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông G có 02 con chung tên H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013, hiện tại cháu T và cháu K đang sống chung với bà Duyên. Khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông G đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Đến trước ngày xét xử ông G có đến Tòa án, ông G trình bày ý kiến như sau: Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Duyên; Về con chung: ông và bà D có 02 con chung tên H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013, hiện hai cháu đang sống chung với bà Duyên. Nay ly hôn ông đồng ý giao cả hai con cho bà D trực tiếp nuôi; về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu. Đồng thời, ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp Luật Tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Bà B T B D yêu cầu ly hôn, ông H T G đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà D và ông G. Giao con chung H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H T G có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà D yêu cầu ly hôn với ông G, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà D và ông G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà D và ông G .

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông G tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà D xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, bà và ông G đã sống ly thân; tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông G. Ông G thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân; nay bà D yêu cầu ly hôn với ông thì ông

cũng đồng ý ly hôn với bà Duyên. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà D và ông G .

[3.2] Về con chung: Bà D và ông G có 02 con chung tên H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013, hiện tại cháu T và cháu K đang sống chung với bà D. Bà D và ông G thống nhất giao cháu H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai cháu cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bà D và ông G phù hợp nguyện vọng của con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông G và bà D thống nhất không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Bà D và ông G cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.5] Về nợ chung: Bà D và ông G thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Trong vụ án này, mặc dù bà D và ông G đã thống nhất các nội dung trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông G vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông G chỉ cung cấp lời khai tại biên bản ghi lời khai và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án phải mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "... Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa án phí sơ thẩm". Tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: "... Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí". Bà D và ông G thuận tình ly hôn nên án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Bà D và ông G mỗi người phải chịu 75.000 đồng, bà D tự nguyện chịu thay cho ông G nên bà D phải nộp 150.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà B T B D và ông H T G.
2. Về con chung: Bà B T B D và ông H T G có 02 con chung cháu H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013 (hiện cháu T và cháu K đang sống chung với bà D).

Giao con chung cháu H H T, sinh ngày 17/11/2015 và H H K, sinh ngày 13/11/2013 cho bà B T B D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông bà H T G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000đồng:

Bà B T B D tự chịu toàn bộ 150.000 đồng, bà D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002304 ngày 11/01/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, sau khi đối trừ án phí, bà D được hoàn lại 150.000 đồng.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Nơi ĐKKH
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng